

Số: **2514**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **15** tháng **10** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả nghiên cứu Đề án “Hợp tác triển khai hành lang kinh tế
Quảng Trị (Việt Nam) - Salavan (Lào) - Ubon Ratchathani (Thái Lan)”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh
Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng Đề án
“Hợp tác triển khai hành lang kinh tế Quảng Trị (Việt Nam) - Salavan (Lào) -
Ubon Ratchathani (Thái Lan);*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Ngoại vụ tại Tờ
trình số 1799/TTr-SNgV ngày 30/9/2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả nghiên cứu Đề án “Hợp tác triển khai hành lang
kinh tế Quảng Trị (Việt Nam) - Salavan (Lào) - Ubon Ratchathani (Thái Lan)”
với những nội dung chính sau:

1. Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Ngoại vụ.

2. Mục tiêu, phạm vi nghiên cứu:

2.1. Mục tiêu chung:

Nghiên cứu xây dựng định hướng hợp tác phát triển kinh tế thương mại,
đầu tư, du lịch giữa các địa phương, quốc gia trong Hành lang kinh tế Quảng Trị
(Việt Nam) - Salavan (Lào) - Ubon Ratchathani (Thái Lan) (gọi tắt là hành lang
PARA-EWEC) nhằm khai thác lợi thế mỗi bên và phát triển hài hòa lợi ích của
mỗi nước; đón đầu và chuẩn bị trước các điều kiện cần thiết để khai thác các
công trình kết nối hạ tầng đang và sẽ được ba nước Thái Lan, Lào và Việt Nam
triển khai.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Tổng quan cơ sở khoa học của việc hình thành hành lang kinh tế;
- Phân tích thực trạng về hạ tầng kinh tế - xã hội các địa bàn dọc hành lang
PARA-EWEC; làm rõ cơ hội và thách thức, bối cảnh, nhu cầu kết nối, phát triển
và khai thác hành lang này;
- Đề xuất quan điểm, định hướng chiến lược hình thành và phát triển hành
lang PARA-EWEC;

- Sơ bộ đề xuất các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhằm khai thác hiệu quả hành lang, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị và các địa phương dọc theo trên tuyến hành lang PARA-EWEC.

2.3. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi không gian gồm: các tỉnh mà hành lang đi qua (bắt đầu từ Quảng Trị sang Salavan và Ubon Ratchathani và một số địa phương khác có liên quan).

- Phạm vi thời gian: Đánh giá tình hình từ năm 2010 trở lại đây; đánh giá triển vọng trong giai đoạn 2023-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

3. Nội dung chính của kết quả nghiên cứu:

3.1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển hành lang PARA - EWEC:

3.1.1. Quan điểm:

- Chủ động tận dụng hiệu quả các cơ hội của quá trình hội nhập quốc tế và khu vực; huy động sức mạnh tổng hợp của các quốc gia, các địa phương hình thành hành lang PARA-EWEC, như một lựa chọn chiến lược với tính chất là hành lang song song và bổ trợ cho hành lang kinh tế Đông-Tây.

- Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, phù hợp với các hiệp định song phương và đa phương có liên quan; phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế.

- Hải hòa lợi ích phát triển của các quốc gia gắn với chủ quyền, độc lập dân tộc; Tăng cường hợp tác về mọi mặt giữa các địa phương dọc tuyến hành lang.

- Không gian phát triển PARA-EWEC phải được tổ chức một cách hiệu quả, thống nhất trên quy mô toàn tuyến, gắn kết giữa khu vực đất liền với không gian biển, gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và các đô thị, trung tâm kinh tế dọc tuyến.

3.1.2. Các định hướng lớn:

a) Tạo dựng các tiền đề quan trọng để tuyến hành lang giao thông PARA-EWEC hoạt động thông suốt, hiệu quả, trở thành tuyến hành lang có kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, hiện đại, tạo động lực thúc đẩy hợp tác và phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương dọc hành lang của ba nước Việt Nam - Lào - Thái Lan, tạo hiệu ứng lan toả đến phát triển kinh tế - xã hội của cả ba quốc gia. Cụ thể như sau:

- Hình thành cơ bản khung kết cấu hạ tầng hành lang giao thông trên cơ sở trục giao thông quan trọng: tuyến đường tỉnh lộ số 2.6901; tuyến đường quốc lộ số 13 Nam, tuyến đường Quốc lộ 15 (tỉnh Salavan của Lào), Quốc lộ 15D (tỉnh Quảng Trị của Việt Nam), gắn với các đầu mối giao thương lớn như cảng biển ở Việt Nam (đặc biệt là Cảng nước sâu Mỹ Thủy của Quảng Trị), các cặp cửa khẩu quốc tế, các cảng hàng không (tại Champasak, Ubon Rachathani và Quảng Trị) nhằm thực hiện kết nối hiệu quả các địa bàn; Phát triển hệ thống các đường giao thông ngang nhằm tăng cường khả năng liên kết và bổ sung cho các hành lang và địa phương khác trong khu vực;

- Phát triển hạ tầng năng lượng, công nghệ thông tin và truyền thông; Thực hiện chuyển đổi số, đưa hạ tầng số và áp dụng chính quyền số vào công tác quản

lý hành lang PARA-EWEC, đặc biệt là đẩy mạnh chuyển đổi số tại các cửa khẩu quốc tế, trong các thủ tục hải quan để giảm chi phí và thời gian thông thương qua các nước;

- Phát triển hạ tầng các đô thị lớn, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển “hạ tầng mềm”, xây dựng các thể chế, cơ chế hợp tác giữa các địa phương và giữa ba quốc gia dọc tuyến hành lang kinh tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hợp tác phát triển kinh tế, đặc biệt là các hoạt động kinh tế đối ngoại, các luồng luân chuyển hàng hoá, dịch vụ và du lịch...xuyên biên giới trên tuyến hành lang.

b) Tập trung hình thành một số cực tăng trưởng trên hành lang, bao gồm: (i) các khu cửa khẩu (ii) các đô thị đã hình thành (iii) các điểm kết nối chính; (iv) các đầu mối hạ tầng (cảng và sân bay). Phát triển hình thành khu, cụm kinh tế gắn với các cực tăng trưởng.

c) Hình thành mạng lưới đô thị của PARA-EWEC, bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị với các đô thị vùng và khu vực nông thôn; xây dựng một số đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia kết nối với khu vực và quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa phát triển các vùng phụ cận, khu vực nông thôn.

d) Xây dựng các vùng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hoá.

3.1.3. Các chương trình, đề án, hoạt động hợp tác cụ thể:

a) Hoàn thiện khung hạ tầng kỹ thuật, bao gồm:

Trên lãnh thổ Việt Nam (tỉnh Quảng trị), đẩy mạnh quá trình xây dựng các nhóm công trình hiện nay, bao gồm:

- Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 15D từ cảng Mỹ Thủy đến cửa khẩu quốc tế La Lay, tỉnh Quảng Trị.

- Thúc đẩy đầu tư xây dựng cảng biển Mỹ Thủy; Đầu tư xây dựng sân bay Quảng Trị; Đầu tư xây dựng Cảng Cửa Việt.

- Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay (Giai đoạn 2); Xây dựng Trung tâm Logistics cửa khẩu quốc tế La Lay; Xây dựng Trung tâm dịch vụ biên mậu cửa khẩu quốc tế La Lay; Nghiên cứu, xây dựng cảng cạn tại cửa khẩu quốc tế La Lay; Xây dựng Kho ngoại quan tại cửa khẩu quốc tế La Lay.

Trên lãnh thổ Lào (tỉnh Salavan): Thực hiện xây dựng các nhóm công trình nâng cấp cửa khẩu: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cửa khẩu Pắc Tả Phàn; Xây dựng cầu Hữu nghị 6 bắc qua sông Mê Kông kết nối cửa khẩu quốc tế Pắc Tả Phàn (Salavan) với cửa khẩu quốc tế Pắc Seng (Ubon Ratchathani); Xây dựng đường nối cửa khẩu Pắc Tả Phàn (đầu cầu Hữu Nghị 6) với đường Quốc lộ 15.

Thực hiện các nhóm công trình dọc tuyến: Nâng cấp, chỉnh trang Quốc lộ 15; nghiên cứu, xây dựng một số tuyến đường kết nối các đô thị trung tâm các

huyện của tỉnh Salavan với Quốc lộ 15 và với trục giao thông của hành lang Đông - Tây; Nghiên cứu, xây dựng các trạm dừng nghỉ dọc tuyến giao thông Quốc lộ 15; Hợp tác nghiên cứu, xây dựng hệ thống băng chuyền tải vận chuyển than từ Lào qua Việt Nam tại cửa khẩu quốc tế La Lay; Nghiên cứu, hình thành các vùng sản xuất tập trung, đặc biệt là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nông nghiệp công nghệ cao.

Trên lãnh thổ Lào (tỉnh Champasak): Nâng cấp, chỉnh trang Quốc lộ 20 kết nối Quốc lộ 15 và cửa khẩu quốc tế Vang Tau - Chong Mek (giữa Champasak, Lào và Ubon Ratchathani, Thái Lan); Nghiên cứu, xây dựng một số tuyến đường kết nối các đô thị trung tâm các huyện của tỉnh với Quốc lộ 20; Xây dựng các trung tâm logistics tại cửa khẩu và sân bay.

Trên lãnh thổ Thái Lan (tỉnh Ubon Ratchathani): Xây dựng cầu Hữu nghị số 6 kết nối cửa khẩu Pạc Seng (Ubon Ratchathani) với cửa khẩu Pạc Tả Phàn (Salavan); Xây dựng đường kết nối một số tỉnh với Ubon Ratchathani và với cửa khẩu Pạc Seng; Nghiên cứu xây dựng các trung tâm logistics, cảng cạn tại các địa bàn phù hợp.

b) Các nhiệm vụ/đề án quan trọng khác:

- Nghiên cứu, quy hoạch và xây dựng các trung tâm logistics, hạ tầng kho bãi tại các cửa khẩu quốc tế, các đầu mối giao thông và trọng điểm về công nghiệp;
- Nghiên cứu, phát triển hạ tầng năng lượng, lưu ý phát triển nguồn điện, lưới điện trung thế, lưới điện và trạm hạ thế trên tuyến hành lang PARA-EWEC;
- Nghiên cứu, phát triển hệ thống hạ tầng khung của các đô thị trung tâm thuộc hành lang PARA-EWEC cơ bản đồng bộ, hiện đại, đủ năng lực phục vụ;
- Xây dựng quy hoạch, triển khai nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn, bảo đảm kết nối nông thôn - đô thị;
- Xây dựng các công trình cung cấp nước sạch có công suất vừa và nhỏ phù hợp khu vực nông thôn tuyến hành lang PARA-EWEC;
- Quy hoạch, phát triển hạ tầng thủy lợi khắc phục cơ bản tình trạng thiếu nước hoặc ngập úng tại một số khu vực nông thôn và đô thị lớn trên tuyến hành lang PARA-EWEC;
- Quy hoạch, phát triển hạ tầng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững;
- Nghiên cứu, xây dựng hạ tầng thông tin, bưu chính: thành lập bưu cục tại các cửa khẩu nhằm khai thác nhu cầu bưu chính, thương mại điện tử và logistics;
- Xây dựng trang web hành lang PARA-EWEC, xây dựng/nâng cấp website các khu cửa khẩu quốc tế nhằm thu hút phát triển du lịch và đầu tư;
- Ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn các cửa khẩu;

- Nghiên cứu thực tiễn triển khai các quy chế xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, lưu thông phương tiện đang được áp dụng tại hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm xây dựng quy chế hiệu quả cho hành lang PARA-EWEC;
- Nghiên cứu, hình thành Khu kinh tế xuyên biên giới La Lay giữa Quảng Trị (Việt Nam) và Salavan (Lào).

3.2. Các giải pháp thực hiện:

3.2.1. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư:

Trên cơ sở thống nhất về định hướng và chiến lược phát triển giữa các địa phương, quốc gia dọc hành lang PARA-EWEC, nghiên cứu tiền khả thi để xác định nhu cầu vốn đầu tư theo các hạng mục giao thông, hạ tầng thiết yếu dọc tuyến, phát triển các đô thị, phát triển các cửa khẩu..., làm cơ sở để xác định cụ thể các giải pháp huy động vốn đầu tư với từng hạng mục trên hành lang kinh tế. Trước mắt, Đề án tạm thời xác định một số giải pháp chung cho huy động vốn như sau:

a) Huy động vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước

- Các quốc gia, địa phương thuộc hành lang xem xét khả năng tập trung ngân sách cho chi đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng quy mô lớn tại các cửa khẩu quốc tế, các tuyến giao thông kết nối... Phát huy vai trò dẫn dắt, “vốn mồi” của vốn ngân sách nhà nước để thu hút tư nhân tham gia các công trình đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

- Hoàn thiện chính sách thu ngân sách đối với đất đai, tài sản, tài nguyên; có cơ chế phù hợp để khai thác nguồn lực từ đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng khung hành lang. Ngoài ra, xem xét khả năng tăng cường nguồn thu từ phí cơ sở hạ tầng tại các cửa khẩu quốc tế, trong đó có cửa khẩu quốc tế La Lay, phục vụ đầu tư hạ tầng tại các địa bàn này.

- Xem xét khả năng phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu công trình để thu hút thêm nguồn vốn đầu tư phát triển, trước hết là đối với các dự án, công trình quan trọng thuộc hạ tầng khung.

b) Đối với nguồn vốn từ khu vực tư nhân trong nước

- Kiến nghị các chính phủ các nước hoàn thiện các quy định pháp lý liên quan phương thức đối tác công - tư (PPP) trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại các vùng miền núi, vùng nghèo, có cơ chế, chính sách ưu đãi cho khu vực tư nhân, FDI tham gia các dự án PPP xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng của hành lang.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích phối hợp, hợp tác giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân của các địa phương, quốc gia thuộc hành lang để thực hiện các dự án có khả năng sinh lời trong nhóm các dự án quy mô lớn như xây dựng các cầu kết nối cửa khẩu quốc tế (ví dụ: Cầu Hữu nghị 6), nâng cao hiệu quả tổng thể chuỗi dự án nhằm phát triển chuỗi giá trị của ngành, lĩnh vực, mở rộng không gian (hạ tầng các vùng sản xuất tập trung, phát triển các ngành sản xuất tạo chuỗi giá trị mới...).

- Xây dựng chính sách phát triển ngành kinh tế trọng điểm đi đôi với khuyến khích huy động các nguồn vốn từ tư nhân, đặc biệt trong các ngành/lĩnh

vực có tiềm năng, lợi thế như sản xuất hàng xuất khẩu (cà phê, gỗ, cao su...), du lịch, năng lượng tái tạo (như phát triển điện gió,...).

c) Đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút đầu tư nước ngoài với ưu đãi vượt trội nhằm tạo ra đột phá trong đầu tư tại các vùng kết nối, hạ tầng đô thị, phát triển chuỗi liên quan đến nông nghiệp, các mỏ khai khoáng.

- Khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài trong những ngành sử dụng nhiều lao động tại các vùng đô thị trên hành lang.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách vượt trội về quy hoạch, cơ sở hạ tầng, tiếp cận đất đai, thủ tục hành chính... đối với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp tập trung.

d) Đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi

- Tận dụng các cơ hội hợp tác và các nguồn tài chính quốc tế với điều kiện, lãi suất ưu đãi, phù hợp, hiệu quả, tập trung cho các dự án phát triển hệ thống hạ tầng khung thuộc hành lang, các dự án đầu tư trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, có hiệu ứng lan tỏa.

- Xem xét khả năng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của Chính phủ Thái Lan xây dựng cầu Hữu nghị 6 kết nối cửa khẩu quốc tế Pạc Tả Phàn (Lào) với cửa khẩu quốc tế Pạc Seng (Thái Lan).

- Xem xét khả năng sử dụng vốn ODA của Thái Lan và Việt Nam cho Salavan xây dựng tuyến đường mới kết nối cửa khẩu Pạc Tả Phàn (đầu cầu Hữu Nghị 6) với đường Quốc lộ 15.

- Xem xét khả năng huy động nguồn vốn ODA vào các địa bàn định hướng tập trung sản xuất, hiện còn khó khăn về hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư (ví dụ: trên địa bàn tỉnh Salavan).

3.2.2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách:

a) Cơ chế chính sách phát triển các cực tăng trưởng

- Ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi và cơ chế, chính sách ưu đãi cho khu vực tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư hoặc tham gia các dự án PPP xây dựng các trục giao thông, các đầu mối giao thông lớn (cảng biển, sân bay...), các cửa khẩu, các tuyến đường dọc theo các trục giao thông dự kiến, các khu sản xuất tập trung trong tương lai.

- Nghiên cứu, xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu trở thành động lực phát triển mới của địa phương, dần trở thành một cực phát triển trên hành lang (La Lay của Việt Nam và Lào, cửa khẩu khu vực cầu Hữu nghị số 6), phối hợp giữa các tỉnh chung biên giới nghiên cứu, xây dựng đề án xây dựng khu kinh tế, thương mại xuyên biên giới chung.

- Xây dựng định hướng thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào địa bàn các vùng động lực, hình thành những cụm liên kết ngành, tạo sức lan tỏa lớn, thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế trong nước.

- Bố trí, định hướng thu hút đầu tư, bao gồm cả đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện hình thành các trung tâm đào tạo nhân lực; xây dựng các chương trình đào tạo và đào tạo lại cho người lao động; chuẩn bị nguồn nhân lực phù hợp bố trí

đủ cho các dự án quan trọng, quy mô lớn tại các địa bàn của hành lang kinh tế.

- Thực hiện kết nối lưới điện giữa các địa phương thuộc hành lang và với các địa phương khác để tăng cường khả năng tích hợp nguồn năng lượng tái tạo và đạt được các lợi ích từ liên kết lưới điện khu vực.

- Xây dựng và triển khai chương trình đầu tư kết nối hạ tầng thông tin và truyền thông hành lang kinh tế gắn với hạ tầng thông tin và truyền thông khu vực, bảo đảm khai thác có hiệu quả nâng cao năng lực truyền dẫn, trao đổi thông tin giữa các quốc gia, địa phương thuộc hành lang kinh tế kết nối khu vực.

b) Cơ chế, chính sách phát triển các vùng khó khăn

- Quan tâm đầu tư các khu vực khó khăn, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Xây dựng cơ chế, chính sách cho các địa phương tại các vùng kém phát triển có nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kết nối giữa các trung tâm phát triển của địa phương (ưu tiên sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và nguồn ODA) cho các khu vực khó khăn, đặc biệt là hạ tầng giao thông, cấp điện, thông tin truyền thông, hạ tầng số để tăng cường khả năng kết nối, nâng cao nhận thức cho người dân; từng bước phát triển khu vực khó khăn thông qua xây dựng hạ tầng kết nối.

- Quy hoạch, xây dựng hạ tầng khu dân cư biên giới và có các chính sách hỗ trợ cho người dân khu vực biên giới yên tâm sinh sống, phát triển các hoạt động kinh tế.

3.2.3. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

a) Đào tạo, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực

- Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu của ba quốc gia để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng về chuyên ngành, thông thạo tiếng Việt, tiếng Lào, tiếng Thái và tiếng Anh phục vụ công tác hội nhập.

- Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các thành phố lớn như Pakse (Champasak) để hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước thuộc nhóm ASEAN-4.

- Có chính sách hỗ trợ, nâng cao năng lực cơ sở đào tạo các ngành ưu tiên gắn với nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến; huy động nguồn lực trong nước và quốc tế cho đào tạo, đào tạo lại nhân lực.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi chung để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại các địa phương dọc hành lang, đặc biệt các đô thị động lực, các khu kinh tế cửa khẩu; thu hút và sử dụng hiệu quả trí tuệ, nguồn nhân lực các địa phương thuộc hành lang.

- Xây dựng các chương trình đào tạo và đào tạo lại cho người lao động gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Chuẩn bị nguồn nhân lực phù hợp bố trí đủ cho các dự án quan trọng, quy mô lớn.

- Tăng cường kết nối cung - cầu, di chuyển lao động giữa các địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu lao động của các thành phố động lực, các cửa khẩu quốc

tế, khu kinh tế cửa khẩu; ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối cung - cầu lao động.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo sinh kế, việc làm, sắp xếp ổn định dân cư vững chắc cho người dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

3.2.4. Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế:

- Tăng cường hợp tác giữa ba quốc gia, các địa phương thuộc hành lang và với các địa phương, lãnh thổ khác để thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư, nhất là tạo điều kiện tiếp cận thuận lợi hơn nữa với các thị trường lớn, quan trọng cho hàng hóa xuất khẩu của các địa phương.

- Xây dựng một cơ chế liên kết rõ ràng, cơ chế trao đổi thông tin và kế hoạch hợp tác quảng bá các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư, đồng thời hợp tác tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, cải cách thủ tục xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh theo hướng rút ngắn thời gian, tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại trong đó chú trọng đến các hình thức, mô hình mới có hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động thông tin, quảng bá, hội nghị, hội thảo quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch...

- Đầu tư xây dựng nâng cấp trang thông tin điện tử (về ngoại giao kinh tế) của các địa phương bằng nhiều thứ tiếng nước ngoài trong đó có cả tiếng Việt/Lào/Thái.

- Mở rộng giao lưu nhân dân, đặc biệt giao lưu giữa các tầng lớp trí thức, doanh nhân giữa các tỉnh thuộc hành lang kinh tế. Phát huy vai trò của các tổ chức hiệp hội, ngành nghề để tạo mạng lưới liên kết, xây dựng cầu nối giao thương, tin cậy và hiệu quả.

- Mỗi địa phương tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức tài chính, các cơ quan tài trợ (như ADB, WB...) để huy động nguồn lực tài chính cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cũng như các dự án hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực.

3.2.5. Nhóm giải pháp khác:

- Đẩy mạnh hợp tác giữa ba quốc gia và các địa phương thuộc hành lang để khai thác nguồn "tài chính xanh" cho bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Tận dụng các hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển để thúc đẩy quá trình "chuyển đổi xanh" kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng.

- Tăng cường hợp tác và thu hút các nguồn lực để đầu tư, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước; phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới, tiêu nước cho các vùng thường xuyên bị thiếu nước, hạn hán, úng ngập nặng.

- Chú trọng hợp tác giữa ba quốc gia và các địa phương thuộc hành lang về các vấn đề môi trường xuyên biên giới như bảo vệ môi trường nước, kiểm soát

săn bắt, buôn bán động thực vật hoang dã trái phép và sinh vật ngoại lai xâm hại.

- Tăng cường hợp tác quốc phòng, an ninh khu vực biên giới của ba quốc gia; tăng cường cơ chế chia sẻ thông tin, phòng chống tội phạm và buôn lậu

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Ngoại vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Hoàng Nam;
- PCVP Lê Hữu Phước;
- Lưu: VT, TCTM. *HL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam